

Số: 90/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật công đoàn, Luật thanh niên và Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 90/2026/QĐ-UBND của UBND thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, buôn, bon, bản thuộc xã (gọi chung là thôn), tổ dân phố thuộc phường trên địa bàn thành phố Huế theo điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thôn, tổ dân phố;
- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố là người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triển khai các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

4. Trường hợp thôn, tổ dân phố mới thành lập, được sắp xếp, tổ chức lại hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và cộng đồng dân cư chuẩn bị nhân sự, tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

5. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
2. Việc tổ chức thực hiện lựa chọn công nhận, cho thôi làm Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Các hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ theo quy định. Công tác chuẩn bị, trình tự tổ chức hội nghị của thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

5. Các hình thức hoạt động khác

Ngoài các hình thức hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này; căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, thôn, tổ dân phố có thể hoạt động thông qua các hình thức sau đây để tuyên truyền, vận động Nhân dân và tổ chức các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố:

a) Hoạt động trên hệ thống loa truyền thanh, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Trao đổi trực tiếp giữa Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố với hộ gia đình.

c) Gửi văn bản, tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, vận động.

d) Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân thông qua hòm thư góp ý.

đ) Tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, tổ chức kỷ niệm ngày hội truyền thống, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, của đất nước và của địa phương, sinh hoạt truyền thống văn hóa, Tết cổ truyền của dân tộc...

6. Nơi sinh hoạt, hội họp của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Thôn, tổ dân phố đã có nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố thì sử dụng nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố làm nơi sinh hoạt, hội họp của Nhân dân và là nơi cất giữ tài liệu, trưng bày tài sản chung của thôn, tổ dân phố.

b) Thôn, tổ dân phố chưa có nhà văn hóa, hội trường thôn, tổ dân phố thì chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý Nhà nước đóng trên địa bàn có trách nhiệm tạo điều kiện để nhân dân sử dụng hợp lý các cơ sở hiện có như: Trường học, trụ sở Ủy ban nhân dân, cơ quan Nhà nước khác... để làm nơi sinh hoạt, hội họp.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Là công dân Việt Nam, cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố hoặc địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố; từ 21 tuổi trở lên và không quá 65 tuổi; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, ưu tiên người có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trường hợp địa bàn có khó khăn về nguồn nhân sự hoặc có yêu tố đặc thù về điều kiện dân cư, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định người có trình độ phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Có kiến thức về văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư; có phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; có khả năng hòa giải, xử lý tình huống phát sinh trong cộng đồng dân cư.

5. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6. Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

7. Ưu tiên bố trí người trẻ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, người có trình độ chuyên môn cao, có nhiệt huyết, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng.

Điều 8. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 9. Tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại cuộc họp của cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Trường hợp cuộc họp không xác định được người trúng cử thì Tổ bầu cử lập biên bản, nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại theo quy định. Việc bầu lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Quyết định này.

Điều 10. Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện để đạt tỷ lệ thông qua

1. Trường hợp nội dung bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được tổ chức tại cuộc họp của cộng đồng dân cư nhưng không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

3. Kết quả lấy ý kiến được thông qua khi tổng hợp kết quả theo đúng quy định của pháp luật và có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

Điều 11. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 12. Các trường hợp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 13. Tổ chức cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trường Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Quyết định của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

4. Công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP

5. Trường hợp cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 14. Quy trình lựa chọn công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Hồ sơ gồm: Văn bản của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; lý lịch trích ngang của người được giới thiệu giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố; Biên bản họp thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố về giới thiệu Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố sau khi nhận được văn bản đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 15. Quy trình cho thôi chức Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

1. Cho thôi chức Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố trong các trường hợp sau:

a) Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố có thể được cho thôi chức do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác;

b) Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố xem xét cho thôi giữ chức vụ khi không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, có hành vi tham nhũng, lãng phí, không chấp hành sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên. Quy trình xem xét cho thôi chức được thực hiện theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc khi có kiến nghị bằng văn bản của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã cho thôi chức Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố phạm tội bị Toà án kết án và bản án, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên bị cho thôi chức danh Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố

a) Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công.

b) Được tham dự cuộc họp của chính quyền cấp xã khi được mời hoặc được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền; được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc quản lý và về hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 17. Mỗi quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Mỗi quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình mọi mặt của thôn, tổ dân phố và đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Mỗi quan hệ với Chi bộ thôn, tổ dân phố

Chấp hành sự lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của Chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Mỗi quan hệ với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố

a) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để tổ chức cho Nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

b) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc vận động Nhân dân triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quản chúng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn và thôn, tổ dân phố giáp ranh để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động tự quản ở thôn, tổ dân phố.

5. Mọi quan hệ với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất chính quyền cấp xã giải quyết những ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố.

c) Tổ chức công khai đầy đủ để Nhân dân biết các nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và kế hoạch thực hiện các nội dung công khai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 18. Kinh phí tổ chức bầu, công nhận, cho thôi; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

Kinh phí tổ chức bầu, công nhận, cho thôi; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan được sửa đổi, bổ sung thay thế thì áp dụng theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

2. Quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

3. Định kỳ ngày 31/10 hàng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn về Sở Nội vụ.

4. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã công bố số liệu về số hộ thôn, tổ dân phố trước ngày 31/12 hàng năm làm cơ sở tham mưu chế độ chính sách.

Điều 21. Trách nhiệm thực hiện của các cơ quan có liên quan

1. Sở Nội vụ: Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện ở các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Văn hóa và Thể thao: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước ở thôn và tổ dân phố; hàng năm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (*qua Sở Nội vụ*).

3. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và khả năng cân đối của ngân sách thành phố; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố giao dự toán cho các địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số quy định tại Quy chế này.

5. Các Sở, ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác về thôn, tổ dân phố theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cấp, các ngành báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.